TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NHA TRANG **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/03/2018
V/v *"Ly hôn giữa anh T và chị S"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**
Ông **Ngô Tiến Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình –** Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1196/2017/HNGĐ-ST ngày 27/10/2017 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Đình T**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện K, Đắk Lắk.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Tuyết S**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: 34 B, P, Nha Trang, Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Đình T trình bày: Anh và chị Phạm Thị Tuyết S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau, không có hạnh phúc. Vợ chồng không còn chung sống với nhau gần một năm nay. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị S để trả tự do cho nhau. Anh và chị S không có con chung, không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – chị Phạm Thị Tuyết S vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai.

**** Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị S có đăng ký kết hôn vào năm 2006 là hoàn toàn hợp pháp. Anh T xin ly hôn với chị S là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn với chị S.

- *Về con chung:* Anh T và chị S không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Anh T khai vợ chồng không có tài sản chung. Chị S vắng mặt nên không xác định được tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung thành vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- *Về án phí:* Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị Phạm Thị Tuyết S được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị S vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc công khai, tiếp cận, giao nộp, chứng cứ và hòa giải, đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ nhưng chị S vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên toà theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đình T và chị Phạm Thị Tuyết S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68/2006, quyển số 01/2006 ngày 16/05/2006 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày và bản tự khai của ông T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Hiện nay, anh T và chị S đã không sống chung với nhau gần một năm nay, không liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm yêu thương vợ chồng. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2015 "vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo qui định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị S có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T khai vợ chồng không có tài sản chung. Chị S vắng mặt nên không xác định được tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung thành vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trần Đình T được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết S.

2. Tách phần tài sản chung thành vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

3. Án phí: Anh Trần Đình T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007696 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Hồ Việt Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- THADS Tp. Nha Trang;
- UBND xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ĐKKH 2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.